

Số: 17/BC-BĐH

Thừa Thiên Huế, ngày 3 tháng 1 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **V/v đánh giá kết quả triển khai tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018 và triển khai nhiệm vụ trong năm 2019**

Thực hiện Thông báo số 116/TB-UBND ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Kết luận của đồng chí Phan Ngọc Thọ tại buổi họp bàn triển khai tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân; Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Ban điều hành và Tổ giúp việc triển khai tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân; Căn cứ Quyết định 831/BYT ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Sau tám tháng triển khai thực hiện, Ban điều hành triển khai tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân báo cáo sơ kết năm 2018 về việc triển khai tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân như sau:

#### **I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH.**

##### **1.1. Tham mưu thành lập Ban Điều hành và xây dựng kế hoạch triển khai đề án.**

- Sở Y tế đã hoàn thành việc tham mưu, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề UBND tỉnh ra Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Ban điều hành và Tổ giúp việc triển khai tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân.

- Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 định hướng đến năm 2025”, Sở Y tế đã có Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án số 2865/SYT-KHTC ngày 24/10/2018 của Sở Y tế về phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2018-2020 hạng mục “Xây dựng hệ sinh thái y tế thông minh”.

##### **1.2. Chỉ đạo triển khai đề án.**

Sau buổi làm việc tại Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Giám đốc Sở Y tế đã tổ chức họp giao ban tham mưu để phân công trách nhiệm cho các phòng chức năng của Sở Y tế để tiến hành triển khai đồng bộ các giải pháp, cụ thể:

- Giai đoạn 1 (triển khai điểm): Với quan điểm triển khai, thực hiện đúng theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh là thực hiện nghiên cứu xây dựng đề án, tiến hành song song đánh giá hiện trạng mạng lưới y tế cơ sở để xác định yêu cầu, nhiệm vụ của đề án; xây dựng lộ trình thực hiện; tổ chức thí điểm tại một số đơn vị và kết quả bước đầu đã triển khai.

Sở Y tế đã có Công văn số 1251/SYT-VP ngày 21/5/2018 của Sở Y tế về việc triển khai thí điểm việc tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân đối với 4 TTYT Huyện/Thị xã/Thành phố (TYT Thành phố Huế, TTYT Thị xã Hương Thủy, TTYT huyện Phú Vang, TTYT huyện Phong Điền). Triển khai 54/152 (đạt 35,5%) Trạm Y tế xã/phường/thị trấn đã triển khai “Hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử” theo Quyết định 831/BYT ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế. Với hồ sơ điện tử phải tạo lập triển khai thí điểm ước khoảng 466.293/1.174.371 hồ sơ, chiếm 40,2% hồ sơ trong toàn tỉnh.

- Giai đoạn 2: Căn cứ kết quả tại Hội nghị sơ kết thí điểm và nhân rộng tạo lập, quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử tại tỉnh Thừa Thiên Huế, tổ chức ngày 22/8/2018 tại TTYT huyện Phú Vang, Sở Y tế đã có Công văn số 2370/SYT-VP ngày 28/8/2018 về việc nhân rộng triển khai “Đề án xây dựng và tạo lập quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế” cho 100% Trạm Y tế xã/phường/thị trấn.

### **1.3. Thực hiện các giải pháp đảm bảo việc triển khai đề án.**

Trên cơ sở thực hiện Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020”; Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 định hướng đến năm 2025”, Sở Y tế đã có Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án số 2865/SYT-KHTC ngày 24/10/2018 của Sở Y tế về phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2018-2020 hạng mục “Xây dựng hệ sinh thái y tế thông minh”.

Đồng thời, để chủ động thực hiện theo tinh thần chỉ đạo của Ủy nhân dân tỉnh, đảm bảo giải pháp liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia hiện có (đang được xây dựng), ngày 21/05/2018 Sở Y tế đã có Công văn số 1252/SYT-VP gửi Bộ Y tế và đã được Bộ Y tế chấp thuận bàn giao cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó, Sở Y tế đã phối hợp với Viettel để thực hiện khởi tạo hồ sơ sức khỏe điện

tử (HSSKĐT) cho các đơn vị. Đây là phần cơ bản và quan trọng bước đầu trong việc khởi tạo thông tin HSSK điện tử của dân trên địa bàn.

- Sau một thời thực hiện Ban chỉ đạo tiếp tục đã có Công văn số 2725/BĐH-TGV ngày 08/10/2018 gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh về việc cung cấp dữ liệu người dân tham gia BHYT trên địa bàn của tỉnh. Sau khi hai bên phối hợp truy xuất và tiếp nhận dữ liệu về để cập nhật vào hệ thống nhằm giảm tải công việc của cán bộ tuyến y tế cơ sở, cũng như giúp đồng bộ dữ liệu khám chữa bệnh vào các hồ sơ được chính xác. Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện đã không sử dụng được dữ liệu vì thiếu trường thông tin về mức hưởng của đối tượng tham gia đóng BHYT (thông tin riêng ngành không thể chia sẻ). Hiện nay đang chờ giải pháp đồng bộ tự động giữa các hệ thống và cho phép các Trạm Y tế tự đồng bộ đối tượng tham gia BHYT thuộc diện chăm sóc.

- Công tác chỉ đạo triển khai: Sở Y tế là cơ quan thường trực của Ban điều hành đã quán triệt tất cả các văn bản liên quan, đồng thời để triển khai thí điểm thành công Đảng ủy, Ban giám đốc Sở Y tế đã chỉ đạo quyết liệt, kịp thời qua công tác giao ban tham mưu, giao ban chuyên môn KCB và các hoạt động của toàn ngành.

- Công tác phối hợp với các đơn vị khám chữa bệnh tuyến TW, Bộ ngành và tư nhân đóng trên địa bàn: Ban điều hành đã làm việc trực tiếp với tất cả BV Bộ Ngành và các cơ sở KCB tư nhân trên địa bàn đã thống nhất giải pháp kỹ thuật liên thông, liên kết dữ liệu KCB phục vụ quản lý HSSK điện tử.

- Quy định tạm thời cấu trúc liên thông dữ liệu KCB với HSSK điện tử: Căn cứ theo Quyết định 831/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành Mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và qua chia sẻ của các tỉnh đang triển khai điểm của Bộ Y tế. Ngày 9 tháng 8 năm 2018, Sở Y tế đã ban hành Công văn số 2125/SYT-VP về việc kết nối và liên thông dữ liệu khám chữa bệnh vào hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử. Đây là một nội dung rất quan trọng để khai thác dữ liệu có sẵn và rất tiết kiệm, chính xác hiện nay tại các đơn vị KCB.

- Công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ triển khai: kể từ ngày triển khai Ban điều hành đã giám sát chi tiết số liệu triển khai của các đơn vị thông qua tài khoản quản trị với các chức năng giám sát cấp tỉnh. Đồng thời Ban điều hành đã trực tiếp về làm việc với các đơn vị, về các trạm Y tế để định hướng, nắm bắt thông tin, cũng như chỉ đạo và phối hợp tháo gỡ những khó vướng vướng mắc của các đơn vị.

- Công tác bảo mật, an toàn thông tin: tại Công văn số 1251/SYT-VP ngày 21/5/2018 của Sở Y tế về việc triển khai thí điểm việc tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị triển khai là: “Trong quá trình triển khai các đơn vị phải đảm bảo quyền được giữ bí mật của bệnh nhân, tính riêng tư và đảm

bảo an, an ninh thông tin đúng theo quy định hiện hành”. Đã triển khai quán triệt Quyết định số 56/2015/QĐ-TTg ngày 10/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật Nhà nước độ tuyệt mật và tối mật của ngành y tế và Thông tư số 06/2015/TT-BYT ngày 31/3/2015 của Bộ Y tế quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành y tế. Đồng thời yêu cầu Viettel Thừa Thiên Huế phải có phương án kỹ thuật tốt nhất để đảm bảo toàn bộ hồ sơ sẽ chuyển và lưu trữ vào Trung tâm dữ liệu của tỉnh” .

- Công tác thông tin, truyền thông: Ban điều hành đã triển khai và quán triệt rõ các văn bản của cơ quan TW và lãnh đạo địa phương về nội dung triển khai HSSK điện tử toàn dân cho lãnh đạo và thủ trưởng các đơn vị trong toàn ngành. Đăng tin các bài viết trên Trang thông tin điện tử Sở Y tế về tất cả các nội dung liên quan lợi ích khi triển khai HSSK điện tử và tất cả các hoạt động của Ban điều hành. Nhằm định hướng, phát huy tính lan tỏa, đồng thuận của các cơ quan ban ngành và người dân về triển khai HSSK điện tử.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TRONG NĂM 2018.

Trong thời gian qua với sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Bộ Y tế, UBND tỉnh, Sở Y tế; sự phối hợp, thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả của Viettel Thừa Thiên Huế và các đơn vị, việc triển khai tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân tại tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những kết quả bước đầu cơ bản, quan trọng và tiền đề để triển khai trong toàn tỉnh trong thời gian tới, cụ thể như sau:

### 2.1. Công tác đào tạo, tập huấn

Ban điều hành đã chỉ đạo Viettel Thừa Thiên Huế và 4 đơn vị phối hợp đào tạo tập huấn với 14 lớp, gần 700 học viên. Ngoài ra, các đơn vị đã đào tạo bổ sung và hướng dẫn trực tiếp trong quá trình thực hiện.

### 2.2. Công tác đồng bộ khởi tạo HSSK điện tử

**Bảng 1: Kết quả ánh xạ và tạo lập HSSK từ cơ sở dữ liệu của Bộ Y tế**

STT	Đơn vị	Dân số đến 01/07/2018		Khởi tạo Bộ Y tế		Số chênh lệch	Đạt tỉ lệ khởi tạo
		Số nhân khẩu	Số hộ	Số nhân khẩu	Số hộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)-(4)	(8)=(5)/(3)*100
1	Huyện A Lưới	49.224	12.772	47.018	12.031	-2.206	95,52%
2	Huyện Nam Đông	27.468	6.248	25.811	6.256	-1.657	93,97%
3	Huyện Phong	93.632	24.760	99.636	26.006	+6.004	106,41%

	Điền						
4	Huyện Phú Lộc	141.742	33.115	145.898	34.253	+4.156	102,93%
5	Huyện Phú Vang	185.721	41.850	175.967	42.205	-9.754	94,75%
6	Huyện Quảng Điền	84.280	21.271	86.163	24.693	+1.883	102,23%
7	Thành phố Huế	358.780	82.584	337.490	88.355	-21.290	94,07%
8	Thị xã Hương Thủy	105.507	24.006	99.672	25.399	-5.835	94,47%
9	Thị xã Hương Trà	117.260	28.062	115.279	28.626	-1.981	98,31%
	<b>TỔNG</b>	<b>1.163.614</b>	<b>274.668</b>	<b>1.132.934</b>	<b>287.824</b>	<b>-30.680</b>	<b>97,36%</b>

*Ghi chú: (3) Số liệu tính đến 01/7/2018 cung cấp từ Chi cục DSKHHGD tỉnh*

Như vậy, ước tính tỷ lệ HSSK điện tử được khởi tạo thông tin hành chính (*Thông tin chung; Thông tin thẻ BHYT; Thông tin quan hệ gia đình; Thông tin liên hệ*) của toàn tỉnh từ cơ sở dữ liệu của Bộ Y tế là **97,36%**.

**Bảng 2: Kết quả liên thông dữ liệu khám chữa bệnh vào hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử (Tính từ ngày 01/05/2018 đến ngày 31/12/2018)**

Hiện tại còn 2/35 đơn vị khám chữa bệnh chưa liên thông dữ liệu KCB vào hệ thống HSSK điện tử (**BV Đại học Y Dược Huế; Phòng khám Bác sĩ gia đình thuộc Trung tâm Y học gia đình - Trường ĐH Y Dược Huế**), cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Cấp tài khoản	Liên thông	Tổng liên thông	Thành công	Lỗi
1	Bệnh viện Đa khoa Bình Điền	RỒI	RỒI	7.697	4.710	2.987
2	Bệnh viện Đa khoa Chân Mây	RỒI	RỒI	875	875	0
3	Bệnh viện Tâm thần Huế	RỒI	RỒI	67.183	65.872	1.311
4	Bệnh viện Y học cổ truyền	RỒI	RỒI	2.120	1.906	214
5	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	RỒI	RỒI	4.336	4.335	1
6	Bệnh viện Phong và Da liễu	RỒI	RỒI	11.625	11.604	21
7	Bệnh viện PHCN	RỒI	RỒI	6.252	6.061	191
8	Bệnh viện Mắt	RỒI	RỒI	7.549	7.521	28
9	Bệnh viện Răng Hàm Mặt	RỒI	RỒI	3.318	3.239	79

10	TTYT Thành Phố Huế	RỒI	RỒI	107.743	107.711	32
11	TTYT Phong Điền	RỒI	RỒI	146.258	144.000	2.258
12	TTYT Quảng Điền	RỒI	RỒI	41.163	39.459	1.704
13	TTYT Hương Trà	RỒI	RỒI	30.093	29.313	780
14	TTYT Hương Thủy	RỒI	RỒI	158.350	150.750	7.600
15	TTYT Phú Vang	RỒI	RỒI	198.215	170.503	27.712
16	TTYT Phú Lộc	RỒI	RỒI	118.085	116.515	1.570
17	TTYT A Lưới	RỒI	RỒI	86.469	83.215	3.254
18	TTYT Nam Đông	RỒI	RỒI	12.376	12.359	17
19	Phòng Khám Bảo vệ sức khoẻ cán bộ	RỒI	RỒI	5.431	3.656	1.775
20	BV TW Huế	RỒI	RỒI	7.809	7.807	2
<b>21</b>	<b><i>BV Đại học Y</i></b>	<b><i>RỒI</i></b>	<b><i>CHƯA</i></b>	<b><i>0</i></b>	<b><i>0</i></b>	<b><i>0</i></b>
22	BV Giao thông vận tải	RỒI	RỒI	22.843	22.172	671
23	BV Quân y 268	RỒI	RỒI	4.645	4.462	183
24	BV Hoàng Việt Thắng	RỒI	RỒI	3.427	3.423	4
25	BV Chấn thương chỉnh hình	RỒI	RỒI	851	851	0
26	Phòng khám đa khoa Medic, 69 Nguyễn Huệ	RỒI	RỒI	18	18	0
27	Phòng khám đa khoa Medic, 01 A Bến Nghé	RỒI	RỒI	83	83	0
28	Phòng khám đa khoa Cựu Quân Nhân	RỒI	RỒI	8.325	6.291	2.034
29	Phòng khám đa khoa Nguyễn Xuân Dũ	RỒI	RỒI	5.465	5.464	1
30	Phòng khám Đa khoa Việt Nhật	RỒI	RỒI	323	310	13
31	Phòng khám đa khoa Âu Lạc	RỒI	RỒI	4.527	4.499	28
32	Phòng khám Đa khoa Âu Lạc - Thanh Sơn	RỒI	RỒI	6.287	6.255	32
33	Phòng khám đa khoa 102 Phạm Văn Đồng	RỒI	RỒI	1.417	1.359	58
34	Phòng khám đa khoa y khoa Pháp Việt	RỒI	RỒI	3.259	3.243	16
35	<b><i>Phòng khám Bác sĩ gia đình thuộc Trung tâm Y học gia đình - Trường ĐH Y Dược Huế</i></b>	<b><i>CHƯA</i></b>	<b><i>CHƯA</i></b>	<b><i>0</i></b>	<b><i>0</i></b>	<b><i>0</i></b>
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>34</b>	<b>33</b>	<b>1.084.417</b>	<b>1.029.841</b>	<b>54.576</b>

**Bảng 3: Kết quả liên thông dữ liệu Tiêm chủng vào hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử (Tính từ ngày 01/05/2018 đến ngày 31/12/2018)**

STT	Tên địa phương	Số trẻ em < 1 tuổi đang quản lý	Liên thông tiêm chủng
1	Thành phố Huế	4.898	56.414
2	Huyện Phong Điền	1.675	18.082
3	Huyện Quảng Điền	1.245	7.933
4	Huyện Phú Vang	3.338	37.328
5	Thị xã Hương Thủy	2.059	21.457
6	Thị xã Hương Trà	2.230	11.253
7	Huyện A Lưới	1.125	4.434
8	Huyện Phú Lộc	2.601	8.952
9	Huyện Nam Đông	512	2.945
	<b>Tổng</b>	<b>19.683</b>	<b>168.798</b>

Số lượng hồ sơ liên thông từ hệ thống Phần mềm tiêm chủng là được **168.798** lượt tiêm chủng.

### 2.3. Đánh giá chất lượng hồ sơ theo Quyết định 831/QĐ-BYT

**Bảng 4: Đánh giá chất lượng hồ sơ theo Quyết định 831/QĐ-BYT**

ST T	Tên xã/phường/thị trấn	Dân số trên phần mềm	Số Hs đã khám lập	Tiến độ khám tạo lập HS	Số HS đã cập nhật	Tỷ lệ HSSK đã quản lý theo đúng QĐ 831/QĐ-BYT	Ghi chú: D.số thực tế đang quản lý
(1)	(2)	(3)	(4)	$(5)=(4)/(3)*100$	(6)	$(7)=(6)/(3)*100$	(8)
1	Thành phố Huế	394.045	168.625	42,79%	247.960	62,93%	358.780
2	Huyện Phong Điền	119.171	92.298	77,45%	114.041	95,70%	93.632
3	Huyện Quảng Điền	105.745	60.946	57,63%	75.653	71,54%	84.280
4	Huyện Phú	217.061	45.524	20,97%	141.012	64,96%	185.721

	Vang						
5	Thị xã Hương Thủy	140.821	103.599	73,57%	140.821	100,00%	105.507
6	Thị xã Hương Trà	134.685	45.094	33,48%	88.079	65,40%	117.260
7	Huyện A Lưới	56.764	38.388	67,63%	49.127	86,55%	49.224
8	Huyện Phú Lộc	170.777	18.550	10,86%	62.209	<b>36,43%</b>	141.742
9	Huyện Nam Đông	29.870	18.106	60,62%	23.391	78,31%	27.468
<b>Tổng</b>		<b>1.368.939</b>	<b>591.130</b>	<b>43,18%</b>	<b>942.293</b>	<b>68,83%</b>	<b>1.163.614</b>

*Ghi chú: (8): Tính tỷ lệ theo dân số đến ngày 01/7/2018.*

*(7): Một hồ sơ đã tạo khám lập hoặc có thông tin về lịch sử KCB hoặc Tiêm chủng.*

Trong tám tháng triển khai điểm tại 9 TTYT huyện/thị xã/thành phố số hồ sơ được hoàn thiện và thông tin chính xác được quản lý theo đúng Quyết định 831/QĐ-BYT là **68,83%**.

Qua giám sát thực hiện tại các đơn vị Ban điều hành nhận thấy có những đơn vị tập trung nguồn lực ưu tiên hoàn thiện HSSK điện tử cho những đối tượng như: Quản lý các bệnh mạn tính, bệnh không lây nhiễm như đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư, hen phế quản,...., quản lý sức khỏe hộ gia đình, quản lý sức khỏe học đường, đối tượng mang thai, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi.

#### **2.4. Một số công tác khác**

- Ngày 22/8/2018, tại TTYT huyện Phú Vang, Ban điều hành triển khai tạo lập và quản lý HSĐT sức khỏe toàn dân tổ chức Hội nghị sơ kết thí điểm và triển khai nhân rộng mô hình quản lý HSĐT sức khỏe toàn dân.

- Phối hợp với Viettel Thừa Thiên Huế tạo tài khoản hệ thống cho các đơn vị triển khai. Nghiên cứu và phối hợp thảo luận phát triển thêm các chức năng phục vụ giám sát kết quả thực hiện.

- Giải đáp và hướng dẫn các khó khăn vướng mắc tại các đơn vị, đặc biệt là các Trạm Y tế xã/phường/thị trấn.

### **III. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ VƯỚNG MẮC.**

#### **3.1. Khách quan.**

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa tích hợp vào hệ thống HSSK điện tử để hình thành một mã định danh duy nhất. Nên việc đồng bộ CSDL người tham gia BHYT để khởi tạo hình thành HSSKĐT vẫn gặp nhiều khó khăn như: việc cập nhập số thẻ BHYT đúng của người dân có thẻ BHYT trên địa bàn, hay việc thay đổi đối tượng theo



mã số thẻ,...dẫn đến dễ trùng lặp, cán bộ y tế tuyến xã phải thường xuyên theo dõi, giám sát để điều chỉnh và bổ sung.

- Bộ Y tế chưa ban hành quy định cấu trúc liên thông dữ liệu HSSKĐT theo Quyết định 831/QĐ-BYT.

- Chưa có quy định về việc chuyển dữ liệu KCB vào HSSK điện tử đối với các đơn vị (các đơn vị ngoài ngành quản lý). Quy định để phối hợp giữa các địa phương, giữa các ngành trong việc thêm, bớt nhân khẩu, hộ khẩu và chuyển nhân khẩu, hộ khẩu trong hệ thống phần mềm HSSK điện tử.

- Kinh phí triển khai hệ thống quản lý HSSKĐT hiện nay là chưa có. Đặc biệt, là kinh phí sử dụng hệ thống HSSK điện tử. Đồng thời, hạ tầng CNTT tại các đơn vị đã xuống cấp, nhu cầu đào tạo sử dụng lớn, công tác phối hợp điều tra, thu thập thông tin cần sự phối hợp nhiều nhân lực và công tác tuyên thông phải được quan tâm thực hiện đúng mức.

- Một số Trạm Y tế số lượng bệnh nhân đến KCB thấp nên ảnh hưởng đến tiến độ việc tạo lập hồ sơ sức khỏe.

- Một số địa phương có sự biến động lớn về nhân khẩu và hộ khẩu nên việc theo dõi và quản lý dữ liệu còn gặp nhiều khó khăn.

### **3.2. Chủ quan.**

- Lãnh đạo một số đơn vị chưa quyết tâm trong công tác chỉ đạo triển khai, vẫn còn tư tưởng trong chờ và đợi triển khai từ Trung ương. Chưa chủ động lồng ghép các hoạt động chuyên môn và các hoạt động tại tuyến y tế cơ sở vào việc thu thập và tạo lập hồ sơ. Chưa chỉ đạo việc rà soát đối tượng đang quản lý trên hệ thống phần mềm, nên vẫn còn hồ sơ ảo khá nhiều.

- Bệnh án điện tử chưa được triển khai tại các đơn vị khám chữa bệnh tuyến huyện, tuyến tỉnh.

- Đối tượng cần quản lý tiêm chủng hiện nay có trên Hệ thống phần mềm quản lý tiêm chủng của tỉnh chưa đạt tỷ lệ 100%. Trẻ < 6 tháng tuổi khi khai báo trên phần mềm tiêm chủng mở rộng lấy tên của mẹ nên khi liên thông dữ liệu giữa phần mềm tiêm chủng và phần mềm hồ sơ sức khỏe gặp khó khăn. Cán bộ phải thực hiện song song việc khám chữa bệnh (đối tượng trẻ em đã có thẻ BHYT) phải tiến hành mở phần mềm tiêm chủng để đổi tên mẹ sang tên con để trùng khớp với hồ sơ sức khỏe thì mới có thể liên thông dữ liệu được.

- Hệ thống phần mềm HSSK vẫn cần phát triển nhanh thêm các chức năng hỗ trợ người dùng và phục vụ điều hành quản lý số liệu trên hệ thống, cụ thể: Chức năng đồng bộ thay đổi thông tin về đối tượng tham gia BHYT; Kiểm tra chéo số lượng giữa việc

liên thông dữ liệu KCB vào Cổng HSSKĐT và Hệ thống giám định thanh toán BHYT; Thống kê theo dõi nhật ký đăng nhập sử dụng hệ thống; Tương tác giữa các tuyến khi sử dụng hệ thống;...

- Sự phối hợp giữa các đơn vị còn hạn chế, đặc biệt là khi có sự thay đổi về chức năng hệ thống, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống.

- Số lượng dữ liệu cần phải rà soát và cập nhật thông tin sức khỏe theo Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu lớn, mất nhiều thời gian để khai thác thông tin của một nhân khẩu.

#### **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT.**

##### **4.1. Các đơn vị liên quan.**

- Tiếp tục rà soát để sàng lọc và bổ sung đối tượng trên phần mềm quản lý HSSK điện tử và phần mềm quản lý tiêm chủng.

- Nâng cao độ chính xác, đầy đủ và chất lượng hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Phối hợp tốt với các cơ quan đơn vị để quản lý đối tượng nhân khẩu đầy đủ và chính xác.

- Quán triệt và thực hiện đúng việc đảm bảo bảo mật dữ liệu, bảo mật tính riêng tư.

- Khai thác dữ liệu quản lý HSSK điện tử để chủ động nâng cao công tác CSSK người dân tại địa bàn.

- Phối hợp với đoàn thể, chính quyền địa phương và tổ chức chính trị xã hội vào công tác thu thập, cập nhật thông tin HSSK điện tử. Tiếp tục tuyên truyền, vận động để người dân hiểu rõ lợi ích của mô hình cũng cần được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm nâng cao tỉ lệ tham gia.

##### **4.2. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.**

- Đề xuất các Bộ, Ngành liên quan sớm hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu dân cư và mã định danh công dân của tỉnh để tích hợp vào hệ thống HSSK điện tử.

- Tiếp tục chỉ đạo Viettel Thừa Thiên Huế tăng cường nhân lực hỗ trợ triển khai tại các đơn vị còn lại và phát triển chức năng của hệ thống phần mềm.

- Hỗ trợ ngành sớm triển khai đề án hệ sinh thái y tế thông minh, đặc biệt cấp đủ đúng kinh phí trong dự án trong năm 2019-2020 để giải quyết những khó khăn hiện nay của ngành.

- Chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành liên quan để tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích khi triển khai HSSK điện tử để người dân và cơ quan ban ngành đồng thuận, ủng hộ.

hộ và tham gia.

#### 4.3. Bộ Y tế.

- Xin được tiếp tục nhận được bàn giao cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT cập nhật mới nhất trong năm 2018 và cũng như cho các năm tiếp theo.

- Hỗ trợ ngành Y tế Thừa Thiên Huế triển khai HSSK điện tử.

- Sớm ban hành cấu trúc liên thông dữ liệu HSSK điện tử, nhằm thực việc liên thông với nhau giữa các CDSL và giữa các đơn vị cung cấp hệ thống KCB vào hệ thống HSSK điện tử, cũng như việc thêm, bớt, chuyển đổi tượng phải quản lý HSSK đúng địa phương quản lý.

- Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn hoặc quy chế vận hành hệ thống HSSK điện tử theo Quyết định số 831/QĐ-BYT.

- Xây dựng giá tiền khám hồ sơ sức khỏe được thanh toán trong giá BHYT. Đưa giá thuê dịch CNTT vào giá thanh toán dịch vụ y tế và có hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

#### V. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI.

Sở Y tế xác định việc triển khai và thực hiện “Đề án Xây dựng và tạo lập hồ sơ điện tử quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế” là một nhiệm vụ chính trị quan trọng trong việc triển khai thành công Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 Nghị quyết hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương khoá XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới; Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới và Kết luận số 85-KL/TU ngày 12/4/2018 của Ban Thường vụ tỉnh Ủy Thừa Thiên Huế về một số nhiệm vụ đối với ngành Y tế; Kế hoạch số 122 /KH-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh về thực hiện tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong thời kỳ mới; Quyết định số 1779/QĐ-UBND 10/08/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Phê duyệt Đề án “Phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 định hướng đến năm 2025”. Mục tiêu phấn đấu đến hết năm 2019, **hơn 90%** người dân của tỉnh có mã số sức khỏe, liên thông dữ liệu giữa tất cả cơ sở y tế từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, các phòng khám, bệnh viện tư nhân và đơn vị khám chữa bệnh Bộ, Ngành đóng trên địa bàn.

Trong năm 2019 và định hướng thời gian tới, Ban điều hành sẽ tập trung chỉ đạo, giám sát và triển khai, thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian	Đơn vị phối hợp
-----	--------------------	-----------	-----------------

		<b>thực hiện</b>	
1.	Tiếp tục đào tạo bổ sung cho các đơn vị. Kiểm tra, giám sát tại các đơn vị.	Quý I-IV/2019	Sở Y tế, Viettel Thừa Thiên Huế, TTYT Huyện/Thị xã/Thành phố.
2.	Tổ chức Hội nghị chuyên đề, Hội nghị giao ban.	Quý I-IV/2019	Ban điều hành, Sở Y tế
3.	Triển khai đề án hệ thống quản lý Hồ sơ sức khỏe toàn dân.	Năm 2019, 2020	Ban điều hành, Sở Y tế
4.	Phối hợp với các đơn vị, các ngành liên quan để đảm bảo tích hợp dữ liệu, kết nối các hệ thống thông tin giữa các hệ thống.	Quý I-VI/2019.	Sở Y tế, Viettel T.T.Huế & các đơn vị KCB trên địa bàn.
5.	Tham mưu và phối hợp xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng, đơn vị hoạt động lĩnh vực y tế; Quy định quản lý và vận hành hệ thống thông tin.	Quý I/2019	Ban điều hành, Sở Y tế.
6.	Làm việc với Viettel Thừa Thiên Huế để phát triển thêm các giải pháp, chức năng của hệ thống phần mềm để cung cấp những dịch vụ tốt đến với người dân.	Quý I-IV/2019	Ban điều hành, Sở Y tế.
7.	Chuyển dữ liệu triển khai HSSK điện tử về Trung tâm dữ liệu của tỉnh để quản lý tích vào hệ thống phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh	Quý I/2019	Ban điều hành Viettel T.T.Huế, Sở TT&TT.
8.	Triển khai ứng dụng phần mềm sử dụng trên thiết bị Smartphone	Quý II, III/2019	Ban điều hành Viettel T.T.Huế
9.	Khai trương Cổng thông tin sức khỏe cộng đồng	IV/2019	Ban điều hành, Sở Y tế, Viettel.

10.	Báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh kết quả thực hiện.	Hàng quý	Ban điều hành, Sở Y tế.
-----	---	----------	-------------------------

Trên đây là kết triển khai, thực hiện tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân tại tỉnh Thừa Thiên Huế trong năm 2018 và kế hoạch triển khai trong năm 2019./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế (báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Cục CNTT - Bộ Y tế (báo cáo);
- Chủ tịch Phan Ngọc Thọ (báo cáo);
- Ban điều hành;
- Tổ giúp việc;
- Các đơn vị (thực hiện);
- Lưu: VT, BDH.

**TM.BAN ĐIỀU HÀNH HSSKĐT  
TRƯỞNG BAN**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ  
NGUYỄN NAM HÙNG**

**Phụ lục:** Báo cáo tiến độ HSSK (Tính đến ngày 31/12/2018) theo mức xã.

STT	Tên địa phương	Dân số trên phần mềm	Số Hs đã khám lập	Tiến độ khám tạo lập HS	Số HS đã cập nhật	Tiến độ cập nhật HS
<b>I</b>	<b>Huyện A Lưới</b>	<b>56.762</b>	<b>38.387</b>	<b>67,63%</b>	<b>49.125</b>	<b>86,55%</b>
1	Thị trấn A Lưới	8.733	5.189	59,42%	7.284	83,41%
2	Xã Hồng Vân	3.218	1.254	38,97%	2.687	83,50%
3	Xã Hồng Hạ	1.957	1.186	60,60%	1.538	78,59%
4	Xã Hồng Kim	2.657	1.010	38,01%	1.762	66,32%
5	Xã Hồng Trung	2.217	2.212	99,77%	2.217	100,00%
6	Xã Hương Nguyên	1.731	1.043	60,25%	1.422	82,15%
7	Xã Bắc Sơn	1.317	1.167	88,61%	1.317	100,00%
8	Xã Hồng Bắc	2.462	1.734	70,43%	2.248	91,31%
9	Xã A Ngo	4.364	3.491	80,00%	3.829	87,74%
10	Xã Sơn Thủy	3.336	3.120	93,53%	3.321	99,55%
11	Xã Phú Vinh	1.273	834	65,51%	1.053	82,72%
12	Xã Hồng Quảng	2.503	1.597	63,80%	2.082	83,18%
13	Xã Hương Phong	1.010	548	54,26%	1.010	100,00%
14	Xã Nhâm	2.481	1.148	46,27%	1.833	73,88%
15	Xã Hồng Thượng	2.938	2.284	77,74%	2.938	100,00%
16	Xã Hồng Thái	1.379	1.208	87,60%	1.331	96,52%
17	Xã Hương Lâm	2.563	1.713	66,84%	2.276	88,80%
18	Xã A Roàng	3.337	2.001	59,96%	2.736	81,99%
19	Xã Đông Sơn	1.760	1.169	66,42%	1.732	98,41%
20	Xã A Đót	2.544	2.262	88,92%	2.537	99,72%
21	Xã Hồng Thủy	3.432	2.217	64,60%	2.422	70,57%
<b>II</b>	<b>Huyện Nam Đông</b>	<b>29.870</b>	<b>18.106</b>	<b>60,62%</b>	<b>23.391</b>	<b>78,31%</b>
22	Thị trấn Khe Tre	4.105	2.192	53,40%	3.069	74,76%
23	Xã Hương Phú	3.558	2.355	66,19%	2.777	78,05%
24	Xã Hương Sơn	1.797	818	45,52%	1.198	66,67%
25	Xã Hương Lộc	2.609	1.549	59,37%	1.908	73,13%
26	Xã Thượng Quảng	2.295	1.505	65,58%	1.779	77,52%
27	Xã Hương Hòa	3.173	2.089	65,84%	2.573	81,09%
28	Xã Hương Giang	1.722	1.025	59,52%	1.398	81,18%
29	Xã Hương Hữu	3.453	2.126	61,57%	2.855	82,68%
30	Xã Thượng Lộ	1.715	956	55,74%	1.266	73,82%
31	Xã Thượng Long	2.888	1.510	52,29%	2.377	82,31%

32	Xã Thượng Nhật	2.553	1.981	77,59%	2.189	85,74%
<b>III</b>	<b>Huyện Phong Điền</b>	<b>119.171</b>	<b>92.298</b>	<b>77,45%</b>	<b>114.041</b>	<b>95,70%</b>
33	Thị trấn Phong Điền	9.265	6.677	72,07%	9.264	99,99%
34	Xã Điền Hương	3.653	3.174	86,89%	3.475	95,13%
35	Xã Điền Môn	4.043	3.598	88,99%	4.041	99,95%
36	Xã Điền Lộc	5.154	4.320	83,82%	4.936	95,77%
37	Xã Phong Bình	8.387	8.090	96,46%	8.387	100,00%
38	Xã Điền Hòa	5.126	4.633	90,38%	4.819	94,01%
39	Xã Phong Chương	9.656	6.611	68,47%	9.353	96,86%
40	Xã Phong Hải	4.571	3.725	81,49%	4.319	94,49%
41	Xã Điền Hải	5.837	5.089	87,19%	5.469	93,70%
42	Xã Phong Hòa	9.662	9.202	95,24%	9.526	98,59%
43	Xã Phong Thu	3.902	3.768	96,57%	3.902	100,00%
44	Xã Phong Hiền	9.351	5.599	59,88%	9.350	99,99%
45	Xã Phong Mỹ	6.870	5.846	85,09%	6.870	100,00%
46	Xã Phong An	13.681	8.569	62,63%	12.581	91,96%
47	Xã Phong Xuân	6.940	4.909	70,73%	6.939	99,99%
48	Xã Phong Sơn	13.136	8.488	64,62%	10.873	82,77%
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Lộc</b>	<b>170.777</b>	<b>18.550</b>	<b>10,86%</b>	<b>62.209</b>	<b>36,43%</b>
49	Thị trấn Phú Lộc	13.262	164	1,24%	4.262	<b>32,14%</b>
50	Thị trấn Lăng Cô	10.461	786	7,51%	2.562	<b>24,49%</b>
51	Xã Vinh Mỹ	5.978	530	8,87%	2.255	<b>37,72%</b>
52	Xã Vinh Hưng	9.569	382	3,99%	2.534	<b>26,48%</b>
53	Xã Vinh Hải	3.185	487	15,29%	1.548	<b>48,60%</b>
54	Xã Vinh Giang	5.480	516	9,42%	2.004	<b>36,57%</b>
55	Xã Vinh Hiền	10.480	1.668	15,92%	3.602	<b>34,37%</b>
56	Xã Lộc Bồn	16.552	7.878	47,60%	10.600	64,04%
57	Xã Lộc Sơn	10.829	251	2,32%	2.679	<b>24,74%</b>
58	Xã Lộc Bình	3.459	273	7,89%	1.610	<b>46,55%</b>
59	Xã Lộc Vĩnh	8.593	857	9,97%	3.049	<b>35,48%</b>
60	Xã Lộc An	15.824	731	4,62%	5.603	<b>35,41%</b>
61	Xã Lộc Điền	17.912	2.087	11,65%	7.239	<b>40,41%</b>
62	Xã Lộc Thủy	12.782	700	5,48%	3.647	<b>28,53%</b>
63	Xã Lộc Trì	10.058	175	1,74%	3.351	<b>33,32%</b>
64	Xã Lộc Tiến	9.492	362	3,81%	3.201	<b>33,72%</b>
65	Xã Lộc Hòa	3.649	191	5,23%	1.158	<b>31,73%</b>
66	Xã Xuân Lộc	3.134	511	16,31%	1.227	<b>39,15%</b>
<b>V</b>	<b>Huyện Phú</b>	<b>217.061</b>	<b>45.524</b>	<b>20,97%</b>	<b>141.012</b>	<b>64,96%</b>

	<b>Vang</b>					
67	Thị trấn Thuận An	22.168	3.036	13,70%	11.433	<b>51,57%</b>
68	Xã Phú Thuận	10.014	2.045	20,42%	6.329	63,20%
69	Xã Phú Dương	11.715	1.205	10,29%	5.114	<b>43,65%</b>
70	Xã Phú Mậu	11.430	1.365	11,94%	6.866	60,07%
71	Xã Phú An	10.632	2.954	27,78%	5.623	<b>52,89%</b>
72	Xã Phú Hải	8.137	1.032	12,68%	4.074	<b>50,07%</b>
73	Xã Phú Xuân	9.588	2.010	20,96%	5.929	61,84%
74	Xã Phú Diên	13.302	1.488	11,19%	7.479	<b>56,22%</b>
75	Xã Phú Thanh	4.652	2.056	44,20%	3.534	75,97%
76	Xã Phú Mỹ	11.490	2.903	25,27%	6.050	<b>52,65%</b>
77	Xã Phú Thượng	14.217	7.447	52,38%	9.697	68,21%
78	Xã Phú Hồ	6.139	1.890	30,79%	5.016	81,71%
79	Xã Vinh Xuân	7.914	1.334	16,86%	5.790	73,16%
80	Xã Phú Lương	7.399	881	11,91%	4.404	<b>59,52%</b>
81	Thị trấn Phú Đa	15.520	2.148	13,84%	13.750	88,60%
82	Xã Vinh Thanh	11.936	2.504	20,98%	8.081	67,70%
83	Xã Vinh An	8.888	2.178	24,50%	7.356	82,76%
84	Xã Vinh Phú	5.190	834	16,07%	2.772	<b>53,41%</b>
85	Xã Vinh Thái	7.120	2.013	28,27%	5.978	83,96%
86	Xã Vinh Hà	11.181	4.201	37,57%	7.308	65,36%
<b>VI</b>	<b>Huyện Quảng Điền</b>	<b>105.745</b>	<b>60.946</b>	<b>57,63%</b>	<b>75.653</b>	<b>71,54%</b>
87	Thị trấn Sịa	12.364	8.572	69,33%	8.839	71,49%
88	Xã Quảng Thái	5.765	2.398	41,60%	3.846	66,71%
89	Xã Quảng Ngạn	6.728	4.402	65,43%	5.090	75,65%
90	Xã Quảng Lợi	9.169	3.290	35,88%	6.011	65,56%
91	Xã Quảng Công	6.557	2.623	40,00%	3.317	<b>50,59%</b>
92	Xã Quảng Phước	8.685	7.423	85,47%	8.241	94,89%
93	Xã Quảng Vinh	12.286	8.823	71,81%	10.913	88,82%
94	Xã Quảng An	11.118	6.250	56,22%	8.075	72,63%
95	Xã Quảng Thành	12.634	7.936	62,81%	9.346	73,97%
96	Xã Quảng Thọ	8.259	5.234	63,37%	6.332	76,67%
97	Xã Quảng Phú	12.153	3.995	32,87%	5.616	<b>46,21%</b>
<b>VII</b>	<b>Thành phố Huế</b>	<b>394.045</b>	<b>168.631</b>	<b>42,79%</b>	<b>247.966</b>	<b>62,93%</b>
98	Phường Phú Thuận	8.348	5.937	71,12%	6.526	78,17%
99	Phường Phú Bình	9.529	1.906	20,00%	5.842	61,31%
100	Phường Tây Lộc	21.921	10.421	47,54%	13.164	60,05%
101	Phường Thuận	19.615	7.701	39,26%	11.937	60,86%



	Lộc					
102	Phường Phú Hiệp	14.360	5.268	36,69%	7.952	<b>55,38%</b>
103	Phường Phú Hậu	12.721	5.370	42,21%	7.658	60,20%
104	Phường Thuận Hòa	16.281	8.253	50,69%	10.350	63,57%
105	Phường Thuận Thành	15.508	7.162	46,18%	9.627	62,08%
106	Phường Phú Hòa	7.073	2.989	42,26%	3.532	<b>49,94%</b>
107	Phường Phú Cát	9.965	4.948	49,65%	6.136	61,58%
108	Phường Kim Long	17.876	5.999	33,56%	9.271	<b>51,86%</b>
109	Phường Vĩ Dạ	22.029	15.405	69,93%	19.782	89,80%
110	Phường Phường Đúc	11.944	1.579	13,22%	7.385	61,83%
111	Phường Vĩnh Ninh	8.916	456	5,11%	5.908	66,26%
112	Phường Phú Hội	13.070	6.213	47,54%	7.971	60,99%
113	Phường Phú Nhuận	10.231	4.716	46,10%	6.328	61,85%
114	Phường Xuân Phú	13.870	6.002	43,27%	8.605	62,04%
115	Phường Trường An	17.028	4.155	24,40%	7.576	<b>44,49%</b>
116	Phường Phước Vĩnh	20.590	8.995	43,69%	12.435	60,39%
117	Phường An Cựu	24.393	12.229	50,13%	15.097	61,89%
118	Phường An Hòa	12.745	7.267	57,02%	8.836	69,33%
119	Phường Hương Sơ	12.972	5.891	45,41%	8.489	65,44%
120	Phường Thủy Biều	11.577	5.691	49,16%	7.373	63,69%
121	Phường Hương Long	13.406	2.325	17,34%	5.971	<b>44,54%</b>
122	Phường Thủy Xuân	15.992	6.542	40,91%	8.154	<b>50,99%</b>
123	Phường An Đông	18.448	13.740	74,48%	15.902	86,20%
124	Phường An Tây	9.179	1.471	16,03%	5.701	62,11%
<b>VIII</b>	<b>Thị xã Hương Thủy</b>	<b>140.821</b>	<b>103.599</b>	<b>73,57%</b>	<b>140.821</b>	<b>100,00%</b>
125	Phường Phú Bài	20.364	13.468	66,14%	20.364	100,00%
126	Xã Thủy Vân	7.805	6.755	86,55%	7.805	100,00%
127	Xã Thủy Thanh	9.834	7.780	79,11%	9.834	100,00%
128	Phường Thủy	13.663	12.567	91,98%	13.663	100,00%

	Dương					
129	Phường Thủy Phương	19.183	15.084	78,63%	19.183	100,00%
130	Phường Thủy Châu	13.506	11.071	81,97%	13.506	100,00%
131	Phường Thủy Lương	11.032	7.021	63,64%	11.032	100,00%
132	Xã Thủy Bằng	8.358	7.530	90,09%	8.358	100,00%
133	Xã Thủy Tân	5.914	5.095	86,15%	5.914	100,00%
134	Xã Thủy Phù	15.468	13.637	88,16%	15.468	100,00%
135	Xã Phú Sơn	2.118	1.730	81,68%	2.118	100,00%
136	Xã Dương Hòa	1.883	1.859	98,73%	1.883	100,00%
<b>IX</b>	<b>Thị xã Hương Trà</b>	<b>134.685</b>	<b>45.264</b>	<b>33,61%</b>	<b>88.210</b>	<b>65,49%</b>
137	Phường Tứ Hạ	13.737	1.779	12,95%	13.281	96,68%
138	Xã Hải Dương	6.871	73	1,06%	2.438	<b>35,48%</b>
139	Xã Hương Phong	11.790	980	8,31%	2.267	<b>19,23%</b>
140	Xã Hương Toàn	14.548	8.420	57,88%	10.452	71,84%
141	Phường Hương Vân	6.883	4.912	71,36%	5.920	86,01%
142	Phường Hương Văn	9.132	3.194	34,98%	4.480	<b>49,06%</b>
143	Xã Hương Vinh	13.790	926	6,72%	5.976	<b>43,34%</b>
144	Phường Hương Xuân	8.544	6.535	76,49%	7.480	87,55%
145	Phường Hương Chữ	10.718	1.239	11,56%	9.215	85,98%
146	Phường Hương An	6.994	4.670	66,77%	6.992	99,97%
147	Xã Hương Bình	3.481	3.266	93,82%	3.481	100,00%
148	Phường Hương Hồ	11.135	1.294	11,62%	4.579	<b>41,12%</b>
149	Xã Hương Thọ	5.879	4.011	68,23%	4.953	84,25%
150	Xã Bình Điền	4.830	1.701	35,22%	2.977	61,64%
151	Xã Hồng Tiến	1.376	1.319	95,86%	1.358	98,69%
152	Xã Bình Thành	4.394	946	21,53%	1.779	<b>40,49%</b>